TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ TUYÊN QUANG** **TỈNH TUYÊN QUANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 309/2018/HNGĐ-ST
Ngày 02/11/2018
V/v: Xin ly hôn.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ TUYÊN QUANG, TỈNH TUYÊN QUANG

- Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Hoàng Mạnh Tuấn.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Vương Minh Tân và bà Lý Thuý Hà.

***- Thư ký phiên tòa*:** Bà Quan Thị Nghị - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Tuyên Quang, tỉnh Tuyên Quang.

- Viện kiểm sát nhân dân thành phố Tuyên Quang *tham gia phiên tòa*: Ông Vũ Khánh Đại - Kiểm sát viên.

Ngày 02 tháng 11 năm 2018, tại Trụ sở Toà án nhân dân thành phố Tuyên Quang xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 114/2018/HNGĐ-ST, ngày 11 tháng 6 năm 2018 về "Xin ly hôn", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 39/2018/QĐXXST-HNGĐ, ngày 18/10/2018, giữa:

- Nguyên đơn: Chị **Nguyễn Thị Kim T**, sinh năm 1987;
ĐKHKTT: Số nhà 3, tổ 1, phường P, thành phố T, tỉnh Tuyên Quang.
Nơi ở hiện nay: Xóm 1, xã T, huyện Y, tỉnhTuyên Quang. Có mặt.

- Bị đơn: Anh **Nguyễn Mạnh C**, sinh năm 1983;
Địa chỉ: Số nhà 3, tổ 1, phường P, thành phố T, tỉnh Tuyên Quang. Vắng mặt, có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN

- Tại đơn khởi kiện, bản tự khai và tại phiên toà nguyên đơn chị Nguyễn Thị Kim T trình bày: Chị và anh Nguyễn Mạnh C quen biết, tìm hiểu và kết hôn với nhau trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện, có đăng ký kết hôn ngày 31/12/2010 tại UBND phường P, thành phố T, tỉnh Tuyên Quang. Sau khi kết hôn vợ chồng sinh sống tại tổ 2, phường P, thành phố T. Đến năm 2013 chuyển về chung sống với bố mẹ anh C tại số nhà 38 tổ 1, phường P, thành phố T. Tình cảm vợ chồng thời gian đầu hạnh phúc, đến cuối

năm 2012 vợ chồng thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, cãi chửi đánh nhau, do bất đồng quan điểm sống, anh C chơi bời không chịu làm ăn, vi phạm tệ nạn xã hội đã phải chấp hành án về hành vi tàng trữ trái phép chất ma túy. Mâu thuẫn vợ chồng đã được hoà giải nhiều lần, nhưng tình cảm không hàn gắn được, năm 2014 chị và con đã chuyển về nhà bố mẹ đẻ tại xóm 1, xã T, huyện Y, tỉnh Tuyên Quang sinh sống và vợ chồng sống ly thân từ đó đến nay. Chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, không thể chung sống được với nhau, đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Nguyễn Mạnh C.

Về con chung: Chị và anh C có 01 con chung là cháu Nguyễn Ánh N, sinh ngày 25/8/2012, hiện đang ở cùng chị. Khi ly hôn chị đề nghị được nuôi con và không yêu cầu anh C phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung và vay nợ chung: Chị xác định vợ chồng không có tài sản chung, không vay nợ ai và không cho ai vay nợ, không đề nghị Tòa án giải quyết.

- Tại biên bản lấy lời khai bị đơn anh Nguyễn Mạnh C trình bày: Anh và chị Nguyễn Thị Kim T kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn ngày 31/12/2010 tại UBND phường P, thành phố T, tỉnh Tuyên Quang. Sau khi kết hôn anh chị về sinh sống và làm ăn tại tổ 2 phường P, thành phố T, đến năm 2014 chuyển về tổ 1 phường P. Quá trình chung sống vợ chồng chung sống bình thường. Đến năm 2016 vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, thường xuyên cãi, chửi, đánh nhau. Tháng 01/2016 anh đi chấp hành án phạt tù, vợ chồng sống xa nhau, mâu thuẫn càng trầm trọng, chị T và con gái đã chuyển về nhà bố mẹ đẻ ở từ thời điểm anh đi chấp hành án cho đến nay. Mâu thuẫn vợ chồng anh đã được gia đình hai bên hòa giải nhưng không cải thiện được. Nay chị T xin được ly hôn, anh nhất trí, đề nghị Tòa án giải quyết cho vợ chồng anh chị được ly hôn.

Về con chung: Anh xác định vợ chồng anh có 01 con chung là cháu Nguyễn Ánh N, sinh ngày 25/8/2012, anh nhất trí để chị T nuôi con, anh không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung và vay nợ chung: Anh C xác định vợ chồng không có tài sản chung và không vay nợ ai, không cho ai vay nợ, không đề nghị Tòa án giải quyết.

Trong quá trình giải quyết vụ án, Toà án đã tống đạt hợp lệ Thông báo về việc thụ lý vụ án, thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nhiều lần cho anh Nguyễn Mạnh C, nhưng anh C đều vắng mặt không có lý do nên không tiến hành phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải được. Toà án quyết định đưa vụ án ra xét xử theo thủ tục chung.

Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng dân sự về ý kiến về việc giải quyết vụ án: Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Th- ký Toà

án từ khi thụ lý vụ án đến khi xét xử, của Hội đồng xét xử từ khi mở phiên toà đến khi kết thúc đều thực hiện đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự; việc chấp hành pháp luật của nguyên đơn thực hiện đúng quy định pháp luật tố tụng dân sự, bị đơn không thực hiện đúng quy định pháp luật tố tụng dân sự. Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị HĐXX áp dụng khoản 1 Điều 28, Điều 147, Điều 227 và Điều 266 của Bộ luật tố tụng dân sự; các Điều 56, 81,82, 83 Luật hôn nhân và gia đình; chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị Kim T, xử cho chị Nguyễn Thị Kim T được ly hôn anh Nguyễn Mạnh C; giao con chung là cháu Nguyễn Ánh N, sinh ngày 25/8/2012 cho chị Nguyễn Thị Kim T trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục. Anh Nguyễn Mạnh C không phải cấp dưỡng nuôi con chung. Anh C có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở. Về tài sản chung và vay nợ chung chị T và anh C xác định không có, không yêu cầu giải quyết nên không đề nghị xem xét giải quyết. Chị Nguyễn Thị Kim T phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Toà án đã thực hiện thủ tục tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng Quyết định đưa vụ án ra xét xử, giấy triệu tập cho anh Nguyễn Mạnh C, anh C có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt. Căn cứ khoản 1 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự. Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt anh C.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị Kim T và anh Nguyễn Mạnh C tìm hiểu và kết hôn với nhau trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND phường P, thành phố T, tỉnh Tuyên Quang vào ngày 31/12/2010. Sau khi kết hôn chị T, anh C chung sống tại tổ 2, phường P, đến năm 2013 chuyển về ở cùng nhà bố mẹ đẻ anh C tại tổ 1, phường P, thành phố T. Cuộc sống tình cảm vợ chồng hạnh phúc, đến cuối năm 2012 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, thường xảy ra va chạm, cãi chửi, đánh nhau, anh C vi phạm tệ nạn xã hội phải đi chấp hành án phạt tù. Mâu thuẫn đã được hai bên gia đình hoà giải nhiều lần, tuy nhiên tình cảm vợ chồng không cải thiện được, mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng. Đầu năm 2014 chị T đã về nhà bố mẹ đẻ tại xóm 1, xã T, huyện Y, tỉnh Tuyên Quang ở từ đó đến nay. Chị T xác định tình cảm vợ chồng không còn, không thể chung sống được với nhau đề nghị Tòa án giải quyết ly hôn, anh C nhất trí ly hôn. Xét thấy quan hệ hôn nhân giữa chị T và anh C không còn khả năng hàn gắn, tình cảm vợ chồng không còn, mâu thuẫn vợ chồng thực sự trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, thực tế chị T và anh C đã sống ly thân từ đầu năm 2014 cho đến nay, không ai quan tâm đến ai. Nên chấp nhận yêu cầu của chị T, xử cho chị T và anh C ly hôn.

[3] Về con chung: Chị T và anh C có 01 con chung là cháu Nguyễn Ánh N, sinh ngày 25/8/2012, hiện đang ở với chị T. Xét thấy chị T có nguyện vọng chăm sóc, nuôi dưỡng con chung, không yêu cầu anh C cấp dưỡng nuôi con chung, anh C nhất trí để chị T nuôi con chung. Nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của chị T, giao cháu Nguyễn Ánh N cho chị T trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Anh C không phải cấp dưỡng nuôi con cùng chị T và có quyền và có nghĩa vụ thăm nom con chung, không ai được cản trở.

[4] Về tài sản chung: Chị T và anh C không có tài sản chung, không yêu cầu giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[5] Về vay nợ chung: Chị T và anh C không vay nợ ai, không cho ai vay nợ, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[6] Chị Nguyễn Thị Kim T phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm.

[7] Các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

- Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, Điều 147, Điều 227 và Điều 266 của Bộ luật tố tụng dân sự; các Điều 56, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Quốc hội.

- Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Nguyễn Thị Kim T và anh Nguyễn Mạnh C ly hôn.

2. Về con chung: Xử giao con chung là cháu Nguyễn Ánh N, sinh ngày 25/8/2012 cho chị Nguyễn Thị Kim T trực tiếp trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục. Anh Nguyễn Mạnh C không phải cấp dưỡng nuôi con chung (do chị T không yêu cầu) và có quyền, nghĩa vụ đi lại thăm nom con chung, không ai được cản trở.

3. Về án phí: Chị Nguyễn Thị Kim T phải nộp 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí sơ thẩm đã nộp là 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai số N^0 0005234 ngày 11/6/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Tuyên Quang, tỉnh Tuyên Quang. Chị T đã nộp đủ án phí.

- Quyền kháng cáo: Chị Nguyễn Thị Kim T có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Anh Nguyễn Mạnh C vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Tuyên Quang;
- VKSND TP. Tuyên Quang (02 bản);
- Chi cục THADS TP. Tuyên Quang;
- UBND phường P;
- Các đ- ơng sự;
- L- u hồ sơ vụ án.

T/M. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà

Hoàng Mạnh Tuấn